

V/v hướng dẫn đăng ký KCB ban đầu, chuyển người bệnh giữa các cơ sở KCB BHYT và ký hợp đồng KCB BHYT tại các trạm y tế xã, phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Kính gửi: Các cơ sở khám chữa bệnh BHYT trên,  
địa bàn tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHYT;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ Y tế quy định việc chuyển tuyến giữa các cơ sở KCB (Thông tư số 14/2014/TT-BYT);

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (Thông tư số 01/2025/TT-BYT);

Căn cứ Quyết định số 4388/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định về việc giao các Bệnh viện, Trung tâm Y tế thuộc Sở Y tế Nghệ An đại diện ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội cho các trạm y tế xã, phường thuộc địa bàn quản lý (Quyết định số 4388/QĐ-UBND).

Sau khi có ý kiến của cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An tại Công văn số 25/BHXXH-CĐBHYT ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc góp ý dự thảo hướng dẫn đăng ký KCB ban đầu, chuyển người bệnh giữa các cơ sở KCB BHYT và ký hợp đồng KCB BHYT tại các trạm y tế xã, phường trên địa bàn tỉnh, Sở Y tế hướng dẫn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu, chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế và ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại các trạm y tế xã, phường trên địa bàn tỉnh Nghệ An, như sau:

## **I. CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ VÀ ĐĂNG KÝ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ BAN ĐẦU**

**1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu** (Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 4 kèm theo)

1.1. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu: **480 đơn vị.**

1.2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản: **41 đơn vị**.

1.3. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu: **01 đơn vị**.

## **2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu**

2.1. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản: **14 đơn vị**.

2.2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thuộc cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu: **01 đơn vị**.

*(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)*

## **3. Quy định đối tượng và dự kiến số lượng thẻ bảo hiểm y tế đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**

*(Chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo)*

# **II. QUY ĐỊNH CHUYỂN NGƯỜI BỆNH GIỮA CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ**

## **1. Nguyên tắc chung**

Người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế được đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BYT và Thông tư số 01/2025/TT-BYT của Bộ Y tế.

## **2. Một số quy định cụ thể**

2.1. **Chuyển người bệnh từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu (Trạm y tế, Phòng khám đa khoa khu vực, Phòng khám đa khoa) đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản và cấp chuyên sâu (đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tính) trong một số trường hợp sau:**

- Chuyển người bệnh đến Bệnh viện Tâm thần Nghệ An đối với các trường hợp đã có sổ theo dõi điều trị bệnh tâm thần *(chưa được quy định tại Phụ lục II Danh mục một số bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*.

- Chuyển người bệnh đến Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An; Bệnh viện 4 - Cục hậu cần Quân khu 4; Bệnh viện Nội tiết Nghệ An đối với bệnh nhân chạy thận nhân tạo chu kỳ trừ các trường hợp thuộc các xã, phường sau:

+ Xã: Yên Thành, Quan Thành, Hợp Minh, Văn Tụ, Văn Du, Quang Đông, Giai Lạc, Bình Minh, Đông Thành;

+ Xã: Diễn Châu, Đức Châu, Quảng Châu, Hải Châu, Tân Phú, An Châu, Minh Châu, Hùng Châu;

+ Phường: Thái Hoà, Tây Hiếu, Xã Đông Hiếu;  
 + Xã: Kim Liên, Vạn An, Nam Đàn, Đại Huệ, Thiên Nhãn;  
 + Xã: Con Cuông, Môn Sơn, Mậu Thạch, Cam Phúc, Châu Khê; Bình Chuẩn;  
 + Xã: Nghi Lộc, Phúc Lộc, Đông Lộc, Trung Lộc, Thần Lĩnh, Hải Lộc, Văn Kiều;  
 + Xã: Quỳnh Lưu, Quỳnh Văn, Quỳnh Anh, Quỳnh Tam, Quỳnh Phú,  
 Quỳnh Sơn, Quỳnh Thắng;

+ Phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò.

- Chuyển người bệnh đến Bệnh viện Ung bướu Nghệ An đối với trường hợp bệnh nhân đã được chẩn đoán xác định ung thư (*chưa được quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Danh mục một số bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu, cấp cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

- Chuyển người bệnh đến Bệnh viện Phổi Nghệ An đối với trường hợp bệnh nhân nghi mắc bệnh lao và lao tiềm ẩn (*chưa được quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Danh mục một số bệnh được khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu, cấp cơ bản ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế*).

## **2.2. Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập:**

- Tiếp nhận bệnh nhân khám và điều trị chuyên khoa da liễu chuyển đến từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu (*đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện*).

- Tiếp nhận bệnh nhân chuyển đến từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu (*đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện*) trên địa bàn phường: Quỳnh Lưu, Quỳnh Văn, Quỳnh Anh, Quỳnh Tam, Quỳnh Phú, Quỳnh Thắng, Hoàng Mai, Quỳnh Mai, Tân Mai.

**2.3. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu** (*Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh*).

- Tiếp nhận bệnh nhân chuyển đến từ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản (*Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện*).

- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu được chuyển người bệnh đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng (*trước ngày 01/01/2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến trung ương*) theo quy định.

**2.4. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xếp cấp cơ bản** *(Đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện)*

- Tiếp nhận bệnh nhân có thẻ bảo hiểm y tế đến khám bệnh, chữa bệnh theo quy định.

- Khi vượt quá khả năng chuyên môn, kỹ thuật chuyển người bệnh đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu *(cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh)* trên địa bàn tỉnh theo quy định.

**2.5. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu** *(Trạm y tế xã, Phòng khám đa khoa khu vực, Phòng khám đa khoa)*

Khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế theo quy định. Khi vượt quá khả năng chuyên môn, kỹ thuật chuyển người bệnh đến các cơ sở khám bệnh chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu *(đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước ngày 01 tháng 01 năm 2025 đã được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện)*.

### **III. KÝ HỢP ĐỒNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ:**

1. Cơ quan BHXH trực tiếp ký Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, cấp chuyên sâu và cấp ban đầu (các Phòng khám đa khoa).

2. Các Bệnh viện, Trung tâm Y tế được giao là đại diện ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội cho các trạm y tế xã, phường thuộc địa bàn quản lý theo Quyết định số 4388/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

1. Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Công văn số 3708/SYT-NVY ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Sở Y tế về việc Hướng dẫn đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và chuyển người bệnh giữa các cơ sở KCB BHYT trên địa bàn tỉnh Nghệ An sau khi tổ chức chính quyền hai cấp và Công văn số 3929/SYT-NVY ngày 12/9/2025 của Sở Y tế về việc bổ sung một số nội dung hướng dẫn tại công văn số 3708/SYT-NVY ngày 26/8/2025.

2. Giao Trung tâm y tế thuộc Sở Y tế chỉ đạo, hướng dẫn các Trạm Y tế xã, phường, tham mưu Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn thông báo rộng rãi các nội dung quy định tại Hướng dẫn.

3. Cơ quan Bảo hiểm xã hội, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An căn cứ Hướng dẫn này để ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2026; thực hiện đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu, chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo đúng quy định *(Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi, bổ sung, Sở Y tế sẽ có thông báo điều chỉnh)*.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Y tế (*Phòng Nghiệp vụ Y*) để được xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế;
- BHXH Việt Nam (để báo cáo);
- UBND tỉnh;
- Sở Y tế và BHXH thành phố Hà Nội;
- Giám đốc: Sở Y tế, BHXH tỉnh Nghệ An;
- Các cơ sở KCB BHYT trong tỉnh;
- Các BHXH xã hội cơ sở;
- Các UBND xã, phường;
- Các Phòng nghiệp vụ Sở Y tế Nghệ An;
- Các Phòng nghiệp vụ BHXH tỉnh Nghệ An;
- Trang Website: Sở Y tế, BHXH tỉnh;
- Lưu: VT Sở Y tế.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



---

**Nguyễn Hữu Lê**

**Phụ lục 1: Danh sách các cơ sở đăng ký KCB BHYT ban đầu**  
*(Ban hành kèm theo Công văn số        /SYT - NVY ngày        / 2026 của Sở Y tế)*

| TT  | Đơn vị                                                                                                                 | Địa Chỉ                          | Cấp chuyên môn |      | Mã KCB |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------|------|--------|
|     |                                                                                                                        |                                  | Xếp cấp        | Điểm |        |
| I   | Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xếp cấp cơ bản (trước 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tuyến Trung ương)   |                                  |                |      |        |
| 1   | BV Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập                                                                                | Phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An   | Cơ bản         | 39   | 40042  |
| II  | Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản, chuyên sâu (trước 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh) |                                  |                |      |        |
| 1   | Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An                                                                                     | Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An    | Chuyên sâu     | 78   | 40001  |
| 2   | Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An                                                                                              | Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An | Cơ bản         | 52   | 40021  |
| 3   | Bệnh viện Quân Y4/Quân Khu 4                                                                                           | Phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An    | Cơ bản         | 65   | 40026  |
| III | Các cơ sở khám, chữa bệnh cấp cơ bản (trước 01/01/2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định là tuyến huyện)             |                                  |                |      |        |
| 1   | Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh                                                                                       | Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An | Cơ bản         | 38   | 40019  |
| 2   | Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh cơ sở 2                                                                               | Phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An   | Cơ bản         | 32   | 40027  |
| 3   | Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh cơ sở 3                                                                               | Phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An      | Cơ bản         | 19   | 40020  |
| 4   | Bệnh viện Đa khoa Nghi Lộc                                                                                             | Xã Đông Lộc, tỉnh Nghệ An        | Cơ bản         | 28   | 40009  |
| 5   | Bệnh viện Đa khoa Diễn Châu                                                                                            | Xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An       | Cơ bản         | 29   | 40007  |
| 6   | Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Bắc                                                                                      | Phường Tây Hiếu, tỉnh Nghệ An    | Cơ bản         | 38   | 40011  |
| 7   | Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam                                                                                      | Xã Con Cuông, tỉnh Nghệ An       | Cơ bản         | 31   | 40013  |
| 8   | Bệnh viện Đa khoa Thanh Chương                                                                                         | Xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An        | Cơ bản         | 32   | 40004  |
| 9   | Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Lưu                                                                                            | Xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An       | Cơ bản         | 30   | 40008  |
| 10  | Bệnh viện Đa khoa Đô Lương                                                                                             | Xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An        | Cơ bản         | 29   | 40005  |
| 11  | Bệnh viện Đa khoa Yên Thành                                                                                            | Xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An       | Cơ bản         | 30   | 40006  |
| 12  | Trung tâm Y tế Kỳ Sơn                                                                                                  | Xã Mường Xén, tỉnh Nghệ An       | Cơ bản         | 17   | 40015  |

| TT | Đơn vị                               | Địa Chỉ                          | Cấp chuyên môn |      | Mã KCB |
|----|--------------------------------------|----------------------------------|----------------|------|--------|
|    |                                      |                                  | Xếp cấp        | Điểm |        |
| 13 | Trung tâm Y tế Tương Dương           | Xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An     | Cơ bản         | 17   | 40014  |
| 14 | Trung tâm Y tế Anh Sơn               | Xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An         | Cơ bản         | 17   | 40010  |
| 15 | Trung tâm Y tế Nam Đàn               | Xã Vạn An, tỉnh Nghệ An          | Cơ bản         | 31   | 40003  |
| 16 | Trung tâm Y tế Hưng Nguyên           | Xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An     | Cơ bản         | 19   | 40002  |
| 17 | Trung tâm Y tế Tân Kỳ                | Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An          | Cơ bản         | 31   | 40012  |
| 18 | Trung tâm Y tế Quỳnh Hợp             | Xã Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An       | Cơ bản         | 19   | 40016  |
| 19 | Trung tâm Y tế Quỳnh Châu            | Xã Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An      | Cơ bản         | 17   | 40017  |
| 20 | Trung tâm Y tế Quế Phong             | Xã Quế Phong, tỉnh Nghệ An       | Cơ bản         | 19   | 40018  |
| 21 | Trung tâm Y tế Hoàng Mai             | Phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An   | Cơ bản         | 19   | 40572  |
| 22 | Trung tâm Y tế Nghĩa Đàn             | Xã Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An       | Cơ bản         | 28   | 40567  |
| 23 | Bệnh viện Công an Nghệ An            | Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An  | Cơ bản         | 15   | 40547  |
| 24 | Bệnh viện Trường đại học Y khoa Vinh | Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An | Cơ bản         | 45   | 40550  |
| 25 | Bệnh viện Đa khoa Thái An            | Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An  | Cơ bản         | 27   | 40543  |
| 26 | Bệnh viện Đa khoa 115                | Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An    | Cơ bản         | 30   | 40542  |
| 27 | Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông           | Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An | Cơ bản         | 35   | 40544  |
| 28 | Bệnh viện Đa khoa Đông Âu            | Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An    | Cơ bản         | 24   | 40552  |
| 29 | Bệnh viện Đa khoa Minh An            | Xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An       | Cơ bản         | 19   | 40576  |
| 30 | Bệnh viện Đa khoa Phú Diễn           | Xã Hùng Châu, tỉnh Nghệ An       | Cơ bản         | 19   | 40545  |
| 31 | Bệnh viện Đa khoa TTH Vinh           | Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An  | Cơ bản         | 29   | 40549  |
| 32 | Bệnh viện Quốc tế Vinh               | Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An    | Cơ bản         | 20   | 40574  |
| 33 | Bệnh viện Đa khoa Quang Khởi         | Phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An   | Cơ bản         | 21   | 40573  |

| TT | Đơn vị                                                                                                                            | Địa Chỉ                       | Cấp chuyên môn |                  | Mã KCB |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------------|------------------|--------|
|    |                                                                                                                                   |                               | Xếp cấp        | Điểm             |        |
| 34 | Bệnh viện Đa khoa An Phát                                                                                                         | Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An       | Cơ bản         | 21               | 40580  |
| 35 | Bệnh viện Đa khoa Bảo Sơn                                                                                                         | Xã Hợp Minh, tỉnh Nghệ An     | Cơ bản         | 17               | 40584  |
| 36 | Bệnh viện Đa khoa Quang Thành                                                                                                     | Xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An    | Cơ bản         | 30               | 40577  |
| 37 | Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An - Giai đoạn 2                                                                                  | Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An | Cơ bản         | Xếp cấp tạm thời | 40611  |
| 38 | Bệnh xá Quân dân Y- Đoàn KT Quốc phòng 4                                                                                          | Xã Na Ngoi, tỉnh Nghệ An      | Cơ bản         |                  | 40568  |
| IV | <b>Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu: 480 đơn vị</b> (Trạm y tế xã, phường, đơn vị: 456 đơn vị và 24 Phòng khám đa khoa) |                               |                |                  |        |
| 1  | Phòng khám Đa khoa tư nhân Yên Lý                                                                                                 | Xã Hùng Châu, tỉnh Nghệ An    | Ban đầu        |                  | 40578  |
| 2  | Phòng khám Đa khoa tư nhân Tân Thanh                                                                                              | Xã Vạn An, tỉnh Nghệ An       | Ban đầu        |                  | 40579  |
| 3  | Phòng khám Đa khoa tư nhân 247                                                                                                    | Xã Hợp Minh, tỉnh Nghệ An     | Ban đầu        |                  | 40582  |
| 4  | Phòng khám Đa khoa tư nhân Đồng Thành                                                                                             | Xã Quảng Châu, tỉnh Nghệ An   | Ban đầu        |                  | 40583  |
| 5  | Phòng khám Đa khoa tư nhân Phú Hậu                                                                                                | Xã Quảng Châu, tỉnh Nghệ An   | Ban đầu        |                  | 40585  |
| 6  | Phòng khám Đa khoa tư nhân Tân Hà                                                                                                 | Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An       | Ban đầu        |                  | 40587  |
| 7  | Phòng khám Đa khoa tư nhân Bắc Diễn Châu                                                                                          | Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An       | Ban đầu        |                  | 40588  |
| 8  | Phòng khám Đa khoa tư nhân An Phước                                                                                               | Xã Đức Châu, tỉnh Nghệ An     | Ban đầu        |                  | 40589  |
| 9  | Phòng khám Đa khoa tư nhân Cường Phát                                                                                             | Xã Văn Hiến, tỉnh Nghệ An     | Ban đầu        |                  | 40590  |
| 10 | Phòng khám Đa khoa tư nhân Anh Thái                                                                                               | Xã Đô Lương, tỉnh Nghệ An     | Ban đầu        |                  | 40591  |
| 11 | Phòng khám Đa khoa tư nhân Quang Minh                                                                                             | Xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An    | Ban đầu        |                  | 40593  |
| 12 | Phòng khám Đa khoa tư nhân Đông Hiếu                                                                                              | Xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An    | Ban đầu        |                  | 40594  |
| 13 | Phòng khám Đa khoa tư nhân Thiên Phước                                                                                            | Xã Phúc Lộc, tỉnh Nghệ An     | Ban đầu        |                  | 40595  |

| TT | Đơn vị                                                                                  | Địa Chỉ                          | Cấp chuyên môn |      | Mã KCB |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------|------|--------|
|    |                                                                                         |                                  | Xếp cấp        | Điểm |        |
| 14 | Phòng khám Đa khoa Trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng Nghệ An             | Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An  | Ban đầu        |      | 40596  |
| 15 | Phòng khám Đa khoa Minh Ngọc                                                            | Xã Vân Tụ, tỉnh Nghệ An          | Ban đầu        |      | 40598  |
| 16 | Phòng khám Đa khoa 115 Sông Lam                                                         | Xã Hưng Nguyên Nam, tỉnh Nghệ An | Ban đầu        |      | 40599  |
| 17 | Phòng khám Đa khoa Quang Trung                                                          | Xã Quỳnh Tam, tỉnh Nghệ An       | Ban đầu        |      | 40601  |
| 18 | Phòng khám Đa khoa Tân Thanh VSip                                                       | Xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An     | Ban đầu        |      | 40600  |
| 19 | Phòng khám Đa khoa Hòa Bình                                                             | Xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An     | Ban đầu        |      | 40605  |
| 20 | Phòng khám Đa khoa Tuệ An                                                               | Xã Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An       | Ban đầu        |      | 40606  |
| 21 | Phòng khám bệnh Đa khoa tư nhân Toà Giám Mục Xã Đoài                                    | Xã Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An        | Ban đầu        |      | 40564  |
| 22 | Phòng khám Đa khoa Hà Nội - Quỳnh Châu thuộc Công ty Cổ phần khám chữa bệnh Đoàn kết II | Xã Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An      | Ban đầu        |      | 40604  |
| 23 | Phòng khám Đa khoa Tâm Ngọc thuộc Công ty TNHH Y Dược Tâm Ngọc                          | Xã Yên Xuân, tỉnh Nghệ An        | Ban đầu        |      | 40612  |
| 24 | Phòng khám Đa khoa Tân Thanh trực thuộc Công ty Cổ phần tổng hợp Hà An                  | Xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An        | Ban đầu        |      | 40613  |

**Phụ lục 2: Danh sách các cơ sở không đăng ký KCB BHYT ban đầu**  
*(Ban hành kèm theo Công văn số                      /SYT-NVY ngày        /        /2026 của Sở Y tế)*

| TT | Đơn vị KCB                                                                                                                   | Địa chỉ                                                | Xếp cấp chuyên môn |                  | Mã KCB |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------|------------------|--------|
|    |                                                                                                                              |                                                        | Xếp cấp            | Điểm             |        |
| I  | Các cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh xếp cấp cơ bản, chuyên sâu (trước 01/01/2025 được cấp có thẩm quyền xác định là tuyến tỉnh)   |                                                        |                    |                  |        |
| 1  | Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An                                                                                                   | Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An                       | Chuyên sâu         | 71               | 40149  |
| 2  | Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An                                                                                            | Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An                          | Cơ bản             | 48               | 40025  |
| 3  | Bệnh viện Tâm thần Nghệ An                                                                                                   | Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An                          | Cơ bản             | 32               | 40036  |
| 4  | Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Nghệ An                                                                                     | Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An                       | Cơ bản             | 41               | 40571  |
| 5  | Bệnh viện Nội tiết Nghệ An                                                                                                   | Số 11 đường Mai Hắc Đế, Phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An | Cơ bản             | 45               | 40065  |
| 6  | Bệnh viện Phổi Nghệ An                                                                                                       | Xã Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An                              | Cơ bản             | 31               | 40040  |
| 7  | Bệnh viện Phục hồi chức năng Nghệ An                                                                                         | Số 220 đường Bình Minh, Phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An    | Cơ bản             | 30               | 40037  |
| 8  | Bệnh viện Mắt Nghệ An                                                                                                        | Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An                          | Cơ bản             | 52               | 40548  |
| 9  | Trung tâm Huyết học truyền máu Nghệ An                                                                                       | Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An                       | Cơ bản             | 34               | 40575  |
| II | Các cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh xếp cấp cơ bản (trước 01/01/2025 được cơ quan có thẩm quyền xác định tương đương tuyến huyện) |                                                        |                    |                  |        |
| 1  | Bệnh viện Mắt Sài Gòn - Vinh                                                                                                 | Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An                          | Cơ bản             | 36               | 40148  |
| 2  | Bệnh viện Răng Hàm Mặt Thái Thượng Hoàng                                                                                     | Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An                        | Cơ bản             | 29               | 40570  |
| 3  | Bệnh viện Tai Mũi Họng Miền Trung                                                                                            | Số 12 đường Lê Nin, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An      | Cơ bản             | 19               | 40586  |
| 4  | Bệnh viện Ngoại khoa 115 Nghệ An                                                                                             | Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An                          | Cơ bản             | Xếp cấp tạm thời | 40607  |
| 5  | Bệnh viện Y học cổ truyền Nguyên Phúc                                                                                        | Phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An                         | Cơ bản             | Xếp cấp tạm thời | 40609  |
| 6  | Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An                                                                                               | Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An                          | Cơ bản             | Xếp cấp tạm thời | 40610  |

**Phụ lục 3: Quy định đối tượng và số thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu**  
*(Ban hành kèm theo công văn số                /SYT-NVY ngày        / 2026 của Sở Y tế)*

| TT | Tên cơ sở KCB                      | Đối tượng đăng ký KCB ban đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Số thẻ đăng ký KCB ban đầu tối đa |
|----|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 1  | Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng sau thẻ BHYT cư trú trên địa bàn phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò khi các đối tượng có nhu cầu theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế, Quy định và hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật BHYT</li> <li>- Người nhiễm HIV/AIDS đang điều trị đang điều trị thuốc kháng HIV tại bệnh viện nếu người bệnh có nhu cầu.</li> <li>- Cán bộ, công nhân viên của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An.</li> </ul> | 20 000                            |
| 2  | Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An          | Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng có thẻ BHYT cư trú trên địa bàn phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò khi các đối tượng có nhu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế, Quy định và hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật BHYT.                                                                                                                                                                                                                                                    | 100 000                           |
| 3  | Bệnh viện Quân Y 4                 | Thực hiện đăng ký khám chữa bệnh bảo hiểm y tế (KCB BHYT) ban đầu cho người có thẻ BHYT cư trú trên địa bàn các phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò khi có nhu cầu, theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế quy định và hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.<br><i>(Đối với các trường hợp đã đăng ký KCB BHYT ban đầu tại Bệnh viện trước ngày 31/12/2025 nhưng không cư trú trên địa bàn các phường nêu trên thì tiếp tục được KCB BHYT ban đầu tại Bệnh viện).</i>            | 20 000                            |
| 4  | BV Phong - Da liễu TW Quỳnh Lập    | - Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng sau đây có thẻ BHYT cư trú trên địa bàn phường: Hoàng Mai, Quỳnh Mai, Tân Mai khi đối tượng có nhu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Thông tư số 01/2025/TT-                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 25 000                            |

| TT | Tên cơ sở KCB                                              | Đối tượng đăng ký KCB ban đầu                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số thẻ đăng ký KCB ban đầu tối đa |
|----|------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
|    |                                                            | BYT ngày 01/01/2025 của Bộ Y tế, Quy định và hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật BHYT                                                                                                                                                                                                                                 |                                   |
| 5  | Bệnh viện Công an tỉnh Nghệ An                             | Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho: Cán bộ công an nghỉ hưu; Thân nhân sỹ quan, hạ sỹ quan nghiệp vụ và hạ sỹ quan chuyên môn, kỹ thuật đang công tác trong lực lượng công an nhân dân phục vụ có thời hạn cư trú trên địa bàn phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò khi đối tượng có nhu cầu. | 10 000                            |
| 6  | Bệnh viện Đa khoa Thành phố Vinh                           | Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò và đối tượng BHYT thuộc ngành Giao thông vận tải quản lý khi đối tượng có nhu cầu.                                                                                                         | 100 000                           |
| 7  | Bệnh viện Đa khoa công lập                                 | Đăng ký KCB ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường, xã khi đối tượng có nhu cầu.                                                                                                                                                                                                                                   | 40 000                            |
| 8  | Trung tâm y tế có chức năng KCB                            | Đăng ký KCB ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường, xã khi đối tượng có nhu cầu.                                                                                                                                                                                                                                   | 50 000                            |
| 9  | Các Bệnh viện Đa khoa ngoài công lập                       | Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường, xã khi đối tượng có yêu cầu.                                                                                                                                                                                                                              | 30 000                            |
| 10 | Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông                                 | Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường: Trường Vinh, Thành Vinh, Vinh Hưng, Vinh Phú, Vinh Lộc, Cửa Lò khi đối tượng có yêu cầu.                                                                                                                                                                  | 60 000                            |
| 11 | Các Phòng khám Đa khoa ngoài công lập.                     | Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường, xã khi đối tượng có nhu cầu.                                                                                                                                                                                                                              | 5 000                             |
| 12 | Trạm Y tế xã, phường; Trạm Y tế cơ quan đơn vị, trường học | Đăng ký KCB BHYT ban đầu cho các đối tượng trên địa bàn phường, xã và đối tượng thuộc cơ quan, đơn vị, trường học khi đối tượng có yêu cầu.                                                                                                                                                                               |                                   |

**Phụ lục 4: Danh sách các Trạm y tế xã, phường đăng ký KCB BHYT ban đầu**  
*(Ban hành kèm theo Công văn số        /SYT - NVY ngày        / 2026 của Sở Y tế)*

| TT | TÊN ĐƠN VỊ KCB               | MÃ    | ĐỊA CHỈ                          |
|----|------------------------------|-------|----------------------------------|
| 1  | Trạm y tế phường Trung Đô    | 40081 | Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An |
| 2  | Trạm y tế phường Vinh Tân    | 40086 |                                  |
| 3  | Trạm y tế phường Hưng Dũng   | 40073 |                                  |
| 4  | Trạm y tế phường Trường Thi  | 40078 |                                  |
| 5  | Trạm y tế phường Bến Thủy    | 40079 |                                  |
| 6  | Trạm y tế xã Hưng Hòa        | 40085 |                                  |
| 7  | Trạm y tế phường Hưng Phúc   | 40088 |                                  |
| 8  | Trạm y tế phường Hưng Bình   | 40072 | Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An  |
| 9  | Trạm y tế phường Cửa Nam     | 40074 |                                  |
| 10 | Trạm y tế phường Quang Trung | 40075 |                                  |
| 11 | Trạm y tế xã Hưng Chính      | 40519 |                                  |
| 12 | Trạm y tế phường Lê Lợi      | 40071 |                                  |
| 13 | Trạm y tế phường Đông Vĩnh   | 40069 |                                  |
| 14 | Trạm y tế xã Hưng Đông       | 40083 | Phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An   |
| 15 | Trạm y tế phường Quán Bàu    | 40087 |                                  |
| 16 | Trạm y tế xã Nghi Liên       | 40064 |                                  |
| 17 | Trạm y tế xã Nghi Kim        | 40488 |                                  |
| 18 | Trạm y tế xã Nghi Phú        | 40082 | Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An    |
| 19 | Trạm y tế xã Nghi Đức        | 40489 |                                  |
| 20 | Trạm y tế phường Hà Huy Tập  | 40070 |                                  |
| 21 | Trạm y tế xã Nghi Ân         | 40486 |                                  |
| 22 | Trạm y tế xã Hưng Lộc        | 40084 | Phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An    |
| 23 | Trạm y tế xã Phúc Thọ        | 40487 |                                  |
| 24 | Trạm y tế xã Nghi Thái       | 40490 |                                  |
| 25 | Trạm y tế xã Nghi Phong      | 40483 |                                  |
| 26 | Trạm y tế xã Nghi Xuân       | 40484 |                                  |
| 27 | Trạm y tế phường Nghi Thủy   | 40089 | Phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An      |
| 28 | Trạm y tế phường Nghi Tân    | 40090 |                                  |
| 29 | Trạm y tế phường Thu Thủy    | 40091 |                                  |
| 30 | Trạm y tế phường Nghi Hoà    | 40092 |                                  |
| 31 | Trạm y tế phường Nghi Hải    | 40093 |                                  |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>          | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>                   |
|-----------|--------------------------------|-----------|----------------------------------|
| 32        | Trạm y tế Phường Nghi Hương    | 40094     |                                  |
| 33        | Trạm y tế Phường Nghi Thu      | 40095     |                                  |
| 34        | Trạm y tế Thị trấn Hưng Nguyên | 40515     | Xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An     |
| 35        | Trạm y tế xã Hưng Tây          | 40518     |                                  |
| 36        | Trạm y tế xã Hưng Đạo          | 40520     |                                  |
| 37        | Trạm y tế xã Hưng Mỹ           | 40521     |                                  |
| 38        | Trạm y tế xã Hưng Thịnh        | 40522     |                                  |
| 39        | Trạm y tế xã Hưng Trung        | 40516     | Xã Yên Trung, tỉnh Nghệ An       |
| 40        | Trạm y tế xã Hưng Yên Nam      | 40517     |                                  |
| 41        | Trạm y tế xã Hưng Yên Bắc      | 40561     |                                  |
| 42        | Trạm y tế xã Hưng Lĩnh         | 40523     | Xã Hưng Nguyên Nam, tỉnh Nghệ An |
| 43        | Trạm y tế xã Hưng Thông        | 40524     |                                  |
| 44        | Trạm y tế xã Hưng Tân          | 40525     |                                  |
| 45        | Trạm y tế xã Long Xá           | 40529     |                                  |
| 46        | Trạm y tế xã Xuân Lam          | 40533     | Xã Lam Thành, tỉnh Nghệ An       |
| 47        | Trạm y tế xã Hưng Lợi          | 40526     |                                  |
| 48        | Trạm y tế xã Hưng Nghĩa        | 40527     |                                  |
| 49        | Trạm y tế xã Hưng Phúc         | 40528     |                                  |
| 50        | Trạm y tế xã Châu Nhân         | 40534     |                                  |
| 51        | Trạm y tế xã Hưng Thành        | 40536     | Xã Nam Đàn, tỉnh Nghệ An         |
| 52        | Trạm y tế xã Nam Hưng          | 40492     |                                  |
| 53        | Trạm y tế xã Nam Nghĩa         | 40493     |                                  |
| 54        | Trạm y tế xã Nam Thanh         | 40494     |                                  |
| 55        | Trạm y tế xã Nam Thái          | 40497     | Xã Đại Huệ, tỉnh Nghệ An         |
| 56        | Trạm y tế xã Nam Anh           | 40495     |                                  |
| 57        | Trạm y tế xã Nam Xuân          | 40496     |                                  |
| 58        | Trạm y tế xã Nam Lĩnh          | 40499     | Xã Vạn An, tỉnh Nghệ An          |
| 59        | Trạm y tế Thị trấn Nam Đàn     | 40491     |                                  |
| 60        | Trạm y tế xã Xuân Hòa          | 40501     |                                  |
| 61        | Trạm y tế xã Thượng Tân Lộc    | 40506     | Xã Thiên Nhẫn, tỉnh Nghệ An      |
| 62        | Trạm y tế xã Khánh Sơn         | 40510     |                                  |
| 63        | Trạm y tế xã Trung Phúc Cường  | 40512     |                                  |
| 64        | Trạm y tế xã Nam Kim           | 40514     |                                  |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>           | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>               |
|-----------|---------------------------------|-----------|------------------------------|
| 65        | Trạm y tế xã Nam Giang          | 40500     | Xã Kim Liên,<br>tỉnh Nghệ An |
| 66        | Trạm y tế xã Hùng Tiến          | 40502     |                              |
| 67        | Trạm y tế xã Kim Liên           | 40505     |                              |
| 68        | Trạm y tế xã Hồng Long          | 40507     |                              |
| 69        | Trạm y tế xã Xuân Lâm           | 40508     |                              |
| 70        | Trạm y tế xã Nam Cát            | 40509     |                              |
| 71        | Trạm y tế xã Thanh Sơn          | 40559     | Xã Sơn Lâm, tỉnh<br>Nghệ An  |
| 72        | Trạm y tế xã Ngọc Lâm           | 40560     |                              |
| 73        | Trạm y tế xã Thanh Nho          | 40062     | Xã Cát Ngạn,<br>tỉnh Nghệ An |
| 74        | Trạm y tế xã Cát Văn            | 40423     |                              |
| 75        | Trạm y tế xã Thanh Hòa          | 40425     |                              |
| 76        | Trạm y tế xã Phong Thịnh        | 40426     |                              |
| 77        | Trạm y tế xã Thanh Mỹ           | 40428     | Xã Tam Đồng,<br>tỉnh Nghệ An |
| 78        | Trạm y tế xã Thanh Tiên         | 40429     |                              |
| 79        | Trạm y tế xã Thanh Liên         | 40431     |                              |
| 80        | Trạm y tế xã Hạnh Lâm           | 40424     | Xã Hạnh Lâm,<br>tỉnh Nghệ An |
| 81        | Trạm y tế xã Thanh Đức          | 40457     |                              |
| 82        | Trạm y tế xã Thanh An           | 40061     | Xã Hoa Quân,<br>tỉnh Nghệ An |
| 83        | Trạm y tế xã Thanh Hương        | 40436     |                              |
| 84        | Trạm y tế xã Thanh Thịnh        | 40440     |                              |
| 85        | Trạm y tế xã Thanh Chi          | 40441     |                              |
| 86        | Trạm y tế xã Thanh Khê          | 40445     |                              |
| 87        | Trạm y tế xã Võ Liệt            | 40446     | Xã Kim Bảng,<br>tỉnh Nghệ An |
| 88        | Trạm y tế xã Thanh Long         | 40447     |                              |
| 89        | Trạm y tế xã Thanh Thủy         | 40448     |                              |
| 90        | Trạm y tế xã Thanh Hà           | 40451     |                              |
| 91        | Trạm y tế xã Thanh Giang        | 40452     | Xã Bích Hào,<br>tỉnh Nghệ An |
| 92        | Trạm y tế xã Thanh Tùng         | 40453     |                              |
| 93        | Trạm y tế xã Thanh Lâm          | 40454     |                              |
| 94        | Trạm y tế xã Thanh Mai          | 40455     |                              |
| 95        | Trạm y tế xã Thanh Xuân         | 40456     |                              |
| 96        | Trạm y tế Thị trấn Thanh Chương | 40422     | Xã Đại Đồng,                 |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>       | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>                |
|-----------|-----------------------------|-----------|-------------------------------|
| 97        | Trạm y tế xã Thanh Phong    | 40427     | tỉnh Nghệ An                  |
| 98        | Trạm y tế xã Đại Đồng       | 40433     |                               |
| 99        | Trạm y tế xã Thanh Đồng     | 40434     |                               |
| 100       | Trạm y tế xã Thanh Ngọc     | 40435     |                               |
| 101       | Trạm y tế xã Thanh Lĩnh     | 40437     |                               |
| 102       | Trạm y tế xã Đồng Văn       | 40438     |                               |
| 103       | Trạm y tế xã Ngọc Sơn       | 40439     | Xã Xuân Lâm,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 104       | Trạm y tế xã Xuân Tường     | 40442     |                               |
| 105       | Trạm y tế xã Thanh Dương    | 40443     |                               |
| 106       | Trạm y tế xã Thanh Lương    | 40444     |                               |
| 107       | Trạm y tế xã Thanh Khai     | 40449     |                               |
| 108       | Trạm y tế xã Thanh Yên      | 40450     |                               |
| 109       | Trạm y tế Thị trấn Đô Lương | 40390     | Xã Đô Lương,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 110       | Trạm y tế xã Bắc Sơn        | 40397     |                               |
| 111       | Trạm y tế xã Đặng Sơn       | 40401     |                               |
| 112       | Trạm y tế xã Nam Sơn        | 40403     |                               |
| 113       | Trạm y tế xã Lưu Sơn        | 40404     |                               |
| 114       | Trạm y tế xã Yên Sơn        | 40405     |                               |
| 115       | Trạm y tế xã Văn Sơn        | 40406     |                               |
| 116       | Trạm y tế xã Đà Sơn         | 40407     |                               |
| 117       | Trạm y tế xã Thịnh Sơn      | 40412     | Xã Bạch Ngọc,<br>tỉnh Nghệ An |
| 118       | Trạm y tế xã Giang Sơn Tây  | 40391     |                               |
| 119       | Trạm y tế xã Lam Sơn        | 40392     |                               |
| 120       | Trạm y tế xã Bôi Sơn        | 40393     |                               |
| 121       | Trạm y tế xã Ngọc Sơn       | 40396     |                               |
| 122       | Trạm y tế xã Giang Sơn Đông | 40566     | Xã Văn Hiến,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 123       | Trạm y tế xã Thượng Sơn     | 40399     |                               |
| 124       | Trạm y tế xã Hòa Sơn        | 40400     |                               |
| 125       | Trạm y tế xã Tân Sơn        | 40409     |                               |
| 126       | Trạm y tế xã Thái Sơn       | 40410     |                               |
| 127       | Trạm y tế xã Quang Sơn      | 40411     | Xã Bạch Hà, tỉnh<br>Nghệ An   |
| 128       | Trạm y tế xã Hiến Sơn       | 40418     |                               |
| 129       | Trạm y tế xã Mỹ Sơn         | 40419     |                               |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>      | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>                        |
|-----------|----------------------------|-----------|---------------------------------------|
| 130       | Trạm y tế xã Trù Sơn       | 40420     |                                       |
| 131       | Trạm y tế xã Đại Sơn       | 40421     |                                       |
| 132       | Trạm y tế xã Lạc Sơn       | 40408     | Xã Thuận Trung,<br>tỉnh Nghệ An       |
| 133       | Trạm y tế Xã Trung Sơn     | 40413     |                                       |
| 134       | Trạm y tế xã Xuân Sơn      | 40414     |                                       |
| 135       | Trạm y tế xã Minh Sơn      | 40415     |                                       |
| 136       | Trạm y tế xã Thuận Sơn     | 40416     |                                       |
| 137       | Trạm y tế xã Nhân Sơn      | 40417     |                                       |
| 138       | Trạm y tế xã Hồng Sơn      | 40394     | Xã Lương Sơn,<br>tỉnh Nghệ An         |
| 139       | Trạm y tế xã Bài Sơn       | 40395     |                                       |
| 140       | Trạm y tế xã Tràng Sơn     | 40398     |                                       |
| 141       | Trạm y tế xã Đông Sơn      | 40402     |                                       |
| 142       | Trạm y tế xã Thọ Sơn       | 40295     | Xã Thành Bình<br>Thọ, tỉnh Nghệ<br>An |
| 143       | Trạm y tế xã Thành Sơn     | 40296     |                                       |
| 144       | Trạm y tế xã Bình Sơn      | 40297     |                                       |
| 145       | Trạm y tế xã Tam Sơn       | 40298     | Xã Nhân Hoà,<br>tỉnh Nghệ An          |
| 146       | Trạm y tế xã Đình Sơn      | 40299     |                                       |
| 147       | Trạm y tế xã Hùng Sơn      | 40300     |                                       |
| 148       | Trạm y tế xã Cẩm Sơn       | 40301     |                                       |
| 149       | Trạm y tế xã Tường Sơn     | 40303     | Xã Vĩnh Tường,<br>tỉnh Nghệ An        |
| 150       | Trạm y tế xã Hội Sơn       | 40307     |                                       |
| 151       | Trạm y tế xã Hoa sơn       | 40556     |                                       |
| 152       | Trạm y tế Thị trấn Anh Sơn | 40294     | Xã Anh Sơn, tỉnh<br>Nghệ An           |
| 153       | Trạm y tế xã Đức Sơn       | 40302     |                                       |
| 154       | Trạm y tế xã Thạch Sơn     | 40308     |                                       |
| 155       | Trạm y tế xã Phúc Sơn      | 40309     |                                       |
| 156       | Trạm y tế xã Tào Sơn       | 40304     | Xã Anh Sơn<br>Đông, tỉnh Nghệ<br>An   |
| 157       | Trạm y tế xã Vĩnh Sơn      | 40305     |                                       |
| 158       | Trạm y tế xã Lạng Sơn      | 40306     |                                       |
| 159       | Trạm y tế xã Long Sơn      | 40310     | Xã Yên Xuân,<br>tỉnh Nghệ An          |
| 160       | Trạm y tế xã Khai Sơn      | 40311     |                                       |
| 161       | Trạm y tế xã Lĩnh Sơn      | 40312     |                                       |
| 162       | Trạm y tế xã Cao Sơn       | 40313     |                                       |
| 163       | Trạm y tế xã Chi Khê       | 40267     | Xã Con Cuông,                         |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>         | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>                     |
|-----------|-------------------------------|-----------|------------------------------------|
| 164       | Trạm y tế xã Bông Khê         | 40268     | tỉnh Nghệ An                       |
| 165       | Trạm y tế xã Yên Khê          | 40269     |                                    |
| 166       | Trạm y tế xã Lạng Khê         | 40261     | Xã Châu Khê,<br>tỉnh Nghệ An       |
| 167       | Trạm y tế xã Châu Khê         | 40266     |                                    |
| 168       | Trạm y tế xã Thạch Ngàn       | 40263     | Xã Mậu Thạch,<br>tỉnh Nghệ An      |
| 169       | Trạm y tế xã Mậu Đức          | 40265     |                                    |
| 170       | Trạm y tế xã Lục Dạ           | 40270     | Xã Môn Sơn, tỉnh<br>Nghệ An        |
| 171       | Trạm y tế xã Môn Sơn          | 40271     |                                    |
| 172       | Trạm y tế xã Cam Lâm          | 40262     | Xã Cam Phục,<br>tỉnh Nghệ An       |
| 173       | Trạm y tế xã Đôn Phục         | 40264     |                                    |
| 174       | Trạm y tế xã Bình Chuẩn       | 40260     | Xã Bình Chuẩn,<br>tỉnh Nghệ An     |
| 175       | Trạm y tế Thị trấn Thạch Giám | 40143     | Xã Tương<br>Dương, tỉnh<br>Nghệ An |
| 176       | Trạm y tế xã Lưu Kiên         | 40156     |                                    |
| 177       | Trạm y tế xã Xá Lượng         | 40158     |                                    |
| 178       | Trạm y tế xã Tam Đình         | 40160     | Xã Tam Quang,<br>tỉnh Nghệ An      |
| 179       | Trạm y tế xã Tam Quang        | 40162     |                                    |
| 180       | Trạm y tế xã Tam Thái         | 40159     | Xã Tam Thái,<br>tỉnh Nghệ An       |
| 181       | Trạm y tế xã Tam Hợp          | 40163     |                                    |
| 182       | Trạm y tế xã Mai Sơn          | 40144     | Xã Nhôn Mai,<br>tỉnh Nghệ An       |
| 183       | Trạm y tế xã Nhôn Mai         | 40145     |                                    |
| 184       | Trạm y tế xã Yên Hòa          | 40154     | Xã Yên Hoà, tỉnh<br>Nghệ An        |
| 185       | Trạm y tế xã Yên Thắng        | 40161     |                                    |
| 186       | Trạm y tế xã Yên Tĩnh         | 40151     | Xã Yên Na, tỉnh<br>Nghệ An         |
| 187       | Trạm y tế xã Yên Na           | 40155     |                                    |
| 188       | Trạm y tế xã Nga My           | 40152     | Xã Nga My, tỉnh<br>Nghệ An         |
| 189       | Trạm y tế xã Xiêng My         | 40553     |                                    |
| 190       | Trạm y tế xã Lượng Minh       | 40153     | Xã Lượng Minh,<br>tỉnh Nghệ An     |
| 191       | Trạm y tế xã Hữu Khuông       | 40146     | Xã Hữu Khuông,<br>tỉnh Nghệ An     |
| 192       | Trạm y tế Thị trấn Mường Xén  | 40122     | Xã Mường Xén,                      |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>      | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>                 |
|-----------|----------------------------|-----------|--------------------------------|
| 193       | Trạm y tế xã Tà Cạ         | 40135     | tỉnh Nghệ An                   |
| 194       | Trạm y tế xã Tây Sơn       | 40139     |                                |
| 195       | Trạm y tế xã Bảo Nam       | 40131     | Xã Hữu Kiệm,<br>tỉnh Nghệ An   |
| 196       | Trạm y tế xã Hữu Lập       | 40134     |                                |
| 197       | Trạm y tế xã Hữu Kiệm      | 40138     |                                |
| 198       | Trạm y tế xã Bảo Thắng     | 40133     | Xã Chiêu Lưu,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 199       | Trạm y tế xã Chiêu Lưu     | 40136     |                                |
| 200       | Trạm y tế xã Na Ngoi       | 40141     | Xã Na Ngoi, tỉnh<br>Nghệ An    |
| 201       | Trạm y tế xã Nậm Càn       | 40142     |                                |
| 202       | Trạm y tế xã Mường Típ     | 40137     | Xã Mường Típ,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 203       | Trạm y tế xã Mường ải      | 40140     |                                |
| 204       | Trạm y tế xã Nậm Cắn       | 40130     | Xã Nậm Cắn,<br>tỉnh Nghệ An    |
| 205       | Trạm y tế xã Phà Đánh      | 40132     |                                |
| 206       | Trạm y tế xã Đoọc Mạy      | 40126     | Xã Na Loi, tỉnh<br>Nghệ An     |
| 207       | Trạm y tế xã Na Loi        | 40129     |                                |
| 208       | Trạm y tế xã Bắc Lý        | 40124     | Xã Bắc Lý, tỉnh<br>Nghệ An     |
| 209       | Trạm y tế xã Mỹ Lý         | 40123     | Xã Mỹ Lý, tỉnh<br>Nghệ An      |
| 210       | Trạm y tế xã Keng Đu       | 40125     | Xã Keng Đu, tỉnh<br>Nghệ An    |
| 211       | Trạm y tế xã Huồi Tụ       | 40127     | Xã Huồi Tụ, tỉnh<br>Nghệ An    |
| 212       | Trạm y tế xã Mường Lống    | 40128     | Xã Mường Lống,<br>tỉnh Nghệ An |
| 213       | Trạm y tế Thị trấn Kim Sơn | 40096     | Xã Quế Phong,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 214       | Trạm y tế xã Nậm Giải      | 40101     |                                |
| 215       | Trạm y tế xã Châu Kim      | 40103     |                                |
| 216       | Trạm y tế xã Mường Nọc     | 40104     |                                |
| 217       | Trạm y tế xã Thông Thụ     | 40097     | Xã Thông Thụ,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 218       | Trạm y tế xã Đồng Văn      | 40098     |                                |
| 219       | Trạm y tế xã Hạnh Dịch     | 40099     | Xã Tiên Phong,<br>tỉnh Nghệ An |
| 220       | Trạm y tế xã Tiên Phong    | 40100     |                                |
| 221       | Trạm y tế xã Tri Lễ        | 40102     | Xã Tri Lễ, tỉnh<br>Nghệ An     |
| 222       | Trạm y tế xã Nậm Nhoóng    | 40106     |                                |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>        | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>               |
|-----------|------------------------------|-----------|------------------------------|
| 223       | Trạm y tế xã Châu Thôn       | 40105     | Xã Mùong Quàng, Tỉnh Nghệ An |
| 224       | Trạm y tế xã Quang Phong     | 40107     |                              |
| 225       | Trạm y tế xã Cẩm Muộn        | 40108     |                              |
| 226       | Trạm y tế Thị trấn Tân Lạc   | 40110     | Xã Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An  |
| 227       | Trạm y tế xã Châu Hội        | 40113     |                              |
| 228       | Trạm y tế xã Châu Nga        | 40114     |                              |
| 229       | Trạm y tế xã Châu Hạnh       | 40116     |                              |
| 230       | Trạm y tế xã Châu Phong      | 40118     | Xã Hùng Chân, tỉnh Nghệ An   |
| 231       | Trạm y tế xã Châu Hoàn       | 40120     |                              |
| 232       | Trạm y tế xã Diên Lâm        | 40121     |                              |
| 233       | Trạm y tế xã Châu Bình       | 40111     | Xã Châu Tiến, tỉnh Nghệ An   |
| 234       | Trạm y tế xã Châu Thuận      | 40112     |                              |
| 235       | Trạm y tế xã Châu Tiến       | 40115     |                              |
| 236       | Trạm y tế xã Châu Thắng      | 40117     |                              |
| 237       | Trạm y tế xã Châu Bình       | 40119     | Xã Châu Bình, tỉnh Nghệ An   |
| 238       | Trạm y tế Thị trấn Quỳnh Hợp | 40196     | Xã Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An   |
| 239       | Trạm y tế xã Châu Quang      | 40206     |                              |
| 240       | Trạm y tế xã Thọ Hợp         | 40207     |                              |
| 241       | Trạm y tế xã Châu Đình       | 40211     |                              |
| 242       | Trạm y tế xã Nam Sơn         | 40213     | Xã Mùong Chông, tỉnh Nghệ An |
| 243       | Trạm y tế xã Châu Lý         | 40214     |                              |
| 244       | Trạm y tế xã Bắc Sơn         | 40216     |                              |
| 245       | Trạm y tế xã Liên Hợp        | 40202     | Xã Châu Lộc, tỉnh Nghệ An    |
| 246       | Trạm y tế xã Châu Lộc        | 40203     |                              |
| 247       | Trạm y tế xã Yên Hợp         | 40197     | Xã Tam Hợp, tỉnh Nghệ An     |
| 248       | Trạm y tế xã Đồng Hợp        | 40200     |                              |
| 249       | Trạm y tế xã Tam Hợp         | 40204     |                              |
| 250       | Trạm y tế xã Nghĩa Xuân      | 40209     |                              |
| 251       | Trạm y tế xã Minh Hợp        | 40208     | Xã Minh Hợp, tỉnh Nghệ An    |
| 252       | Trạm y tế xã Văn Lợi         | 40212     |                              |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>        | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>                      |
|-----------|------------------------------|-----------|-------------------------------------|
| 253       | Trạm y tế xã Hạ Sơn          | 40215     |                                     |
| 254       | Trạm y tế xã Châu Cường      | 40205     | Xã Mường Ham,<br>tỉnh Nghệ An       |
| 255       | Trạm y tế xã Châu Thái       | 40210     |                                     |
| 256       | Trạm y tế xã Châu Tiến       | 40198     | Xã Châu Hồng,<br>tỉnh Nghệ An       |
| 257       | Trạm y tế xã Châu Hồng       | 40199     |                                     |
| 258       | Trạm y tế xã Châu Thành      | 40201     |                                     |
| 259       | Trạm y tế phường Hoà Hiếu    | 40164     | Phường Thái<br>Hoà, tỉnh Nghệ<br>An |
| 260       | Trạm y tế phường Quang Phong | 40554     |                                     |
| 261       | Trạm y tế phường Long Sơn    | 40555     |                                     |
| 262       | Trạm y tế phường Quang Tiến  | 40182     | Phường Tây<br>Hiếu, tỉnh Nghệ<br>An |
| 263       | Trạm y tế xã Nghĩa Tiến      | 40186     |                                     |
| 264       | Trạm y tế xã Tây Hiếu        | 40188     |                                     |
| 265       | Trạm y tế xã Nghĩa Mỹ        | 40187     | Xã Đông Hiếu,<br>tỉnh Nghệ An       |
| 266       | Trạm y tế xã Nghĩa Thuận     | 40189     |                                     |
| 267       | Trạm y tế xã Đông Hiếu       | 40190     |                                     |
| 268       | Trạm y tế Thị trấn Tân Kỳ    | 40272     | Xã Tân Kỳ, tỉnh<br>Nghệ An          |
| 269       | Trạm y tế xã Nghĩa Dũng      | 40286     |                                     |
| 270       | Trạm y tế xã Kỳ Sơn          | 40288     |                                     |
| 271       | Trạm y tế xã Kỳ Tân          | 40290     |                                     |
| 272       | Trạm y tế xã Tân Phú         | 40274     | Xã Tân Phú, tỉnh<br>Nghệ An         |
| 273       | Trạm y tế xã Tân Xuân        | 40275     |                                     |
| 274       | Trạm y tế xã Nghĩa Thái      | 40280     |                                     |
| 275       | Trạm y tế xã Nghĩa Hoàn      | 40282     |                                     |
| 276       | Trạm y tế xã Tân Long        | 40287     |                                     |
| 277       | Trạm y tế xã Nghĩa Phúc      | 40283     | Xã Tân An, tỉnh<br>Nghệ An          |
| 278       | Trạm y tế xã Tân An          | 40285     |                                     |
| 279       | Trạm y tế xã Hương Sơn       | 40289     |                                     |
| 280       | Trạm y tế xã Nghĩa Bình      | 40277     | Xã Nghĩa Đồng,<br>tỉnh Nghệ An      |
| 281       | Trạm y tế xã Nghĩa Đồng      | 40278     |                                     |
| 282       | Trạm y tế xã Nghĩa Hợp       | 40281     |                                     |
| 283       | Trạm y tế xã Tân Hợp         | 40273     | Xã Giai Xuân,<br>tỉnh Nghệ An       |
| 284       | Trạm y tế xã Giai Xuân       | 40276     |                                     |
| 285       | Trạm y tế xã Phú Sơn         | 40291     | Xã Nghĩa Hành,<br>tỉnh Nghệ An      |
| 286       | Trạm y tế xã Nghĩa Hành      | 40292     |                                     |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>         | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>                       |
|-----------|-------------------------------|-----------|--------------------------------------|
| 287       | Trạm y tế xã Tân Hương        | 40293     |                                      |
| 288       | Trạm y tế xã Đồng Văn         | 40279     | Xã Tiên Đồng,<br>tỉnh Nghệ An        |
| 289       | Trạm y tế xã Tiên Kỳ          | 40284     |                                      |
| 290       | Trạm y tế xã Quỳnh Vinh       | 40219     | Phường Hoàng<br>Mai, tỉnh Nghệ<br>An |
| 291       | Trạm y tế phường Quỳnh Thiện  | 40221     |                                      |
| 292       | Trạm y tế xã Quỳnh Trang      | 40223     |                                      |
| 293       | Trạm y tế xã Quỳnh Lộc        | 40220     | Phường Tân Mai,<br>tỉnh Nghệ An      |
| 294       | Trạm y tế xã Quỳnh Lập        | 40222     |                                      |
| 295       | Trạm y tế phường Quỳnh Dị     | 40227     |                                      |
| 296       | Trạm y tế phường Mai Hùng     | 40226     | Phường Quỳnh<br>Mai, tỉnh Nghệ<br>An |
| 297       | Trạm y tế phường Quỳnh Xuân   | 40228     |                                      |
| 298       | Trạm y tế phường Quỳnh Phương | 40229     |                                      |
| 299       | Trạm y tế xã Quỳnh Liên       | 40230     |                                      |
| 300       | Trạm y tế xã Quỳnh Ngọc       | 40063     | Xã Quỳnh Lưu,<br>tỉnh Nghệ An        |
| 301       | Trạm y tế xã Quỳnh Bá         | 40246     |                                      |
| 302       | Trạm y tế xã Quỳnh Diễn       | 40248     |                                      |
| 303       | Trạm y tế xã Quỳnh Giang      | 40250     |                                      |
| 304       | Trạm y tế Thị trấn Cầu Giát   | 40217     |                                      |
| 305       | Trạm y tế xã Quỳnh Hậu        | 40240     |                                      |
| 306       | Trạm y tế xã Quỳnh Hồng       | 40244     |                                      |
| 307       | Trạm y tế xã Quỳnh Hưng       | 40249     | Xã Quỳnh Văn,<br>tỉnh Nghệ An        |
| 308       | Trạm y tế xã Quỳnh Tân        | 40224     |                                      |
| 309       | Trạm y tế xã Quỳnh Văn        | 40232     |                                      |
| 310       | Trạm y tế xã Quỳnh Thạch      | 40236     | Xã Quỳnh Anh,<br>tỉnh Nghệ An        |
| 311       | Trạm y tế xã Quỳnh Bảng       | 40237     |                                      |
| 312       | Trạm y tế xã Quỳnh Đôi        | 40242     |                                      |
| 313       | Trạm y tế xã Quỳnh Lương      | 40243     |                                      |
| 314       | Trạm y tế xã Quỳnh Yên        | 40245     |                                      |
| 315       | Trạm y tế xã Quỳnh Minh       | 40247     |                                      |
| 316       | Trạm y tế xã Quỳnh Thanh      | 40239     | Xã Quỳnh Tam,<br>tỉnh Nghệ An        |
| 317       | Trạm y tế xã Quỳnh Châu       | 40225     |                                      |
| 318       | Trạm y tế xã Tân Sơn          | 40231     |                                      |
| 319       | Trạm y tế xã Quỳnh Tam        | 40234     |                                      |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>        | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>                  |
|-----------|------------------------------|-----------|---------------------------------|
| 320       | Trạm y tế xã Quỳnh Thuận     | 40256     | Xã Quỳnh Phú,<br>tỉnh Nghệ An   |
| 321       | Trạm y tế xã An Hòa          | 40252     |                                 |
| 322       | Trạm y tế xã Sơn Hải         | 40254     |                                 |
| 323       | Trạm y tế xã Quỳnh Long      | 40257     |                                 |
| 324       | Trạm y tế xã Quỳnh Nghĩa     | 40251     |                                 |
| 325       | Trạm y tế xã Tiên Thủy       | 40253     |                                 |
| 326       | Trạm y tế xã Quỳnh Thọ       | 40255     |                                 |
| 327       | Trạm y tế xã Quỳnh Hoa       | 40235     | Xã Quỳnh Sơn,<br>tỉnh Nghệ An   |
| 328       | Trạm y tế xã Quỳnh Mỹ        | 40238     |                                 |
| 329       | Trạm y tế xã Ngọc Sơn        | 40233     |                                 |
| 330       | Trạm y tế xã Quỳnh Lâm       | 40241     |                                 |
| 331       | Trạm y tế xã Quỳnh Thắng     | 40218     | Xã Quỳnh Thắng,<br>tỉnh Nghệ An |
| 332       | Trạm y tế xã Tân Thắng       | 40258     |                                 |
| 333       | Trạm y tế Thị trấn Yên Thành | 40353     | Xã Yên Thành,<br>tỉnh Nghệ An   |
| 334       | Trạm y tế xã Hoa Thành       | 40368     |                                 |
| 335       | Trạm y tế xã Tăng Thành      | 40369     |                                 |
| 336       | Trạm y tế xã Văn Thành       | 40370     |                                 |
| 337       | Trạm y tế xã Hợp Thành       | 40372     |                                 |
| 338       | Trạm y tế xã Nhân Thành      | 40375     | Xã Quan Thành,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 339       | Trạm y tế xã Xuân Thành      | 40373     |                                 |
| 340       | Trạm y tế xã Bắc Thành       | 40374     |                                 |
| 341       | Trạm y tế xã Trung Thành     | 40376     |                                 |
| 342       | Trạm y tế xã Nam Thành       | 40379     |                                 |
| 343       | Trạm y tế xã Lý Thành        | 40381     | Xã Vân Tụ, tỉnh<br>Nghệ An      |
| 344       | Trạm y tế xã Liên Thành      | 40385     |                                 |
| 345       | Trạm y tế xã Khánh Thành     | 40382     |                                 |
| 346       | Trạm y tế xã Mỹ Thành        | 40387     |                                 |
| 347       | Trạm y tế xã Công Thành      | 40388     | Xã Vân Du, tỉnh<br>Nghệ An      |
| 348       | Trạm y tế xã Tây Thành       | 40363     |                                 |
| 349       | Trạm y tế xã Thịnh Thành     | 40371     |                                 |
| 350       | Trạm y tế xã Minh Thành      | 40378     |                                 |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>        | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>                 |
|-----------|------------------------------|-----------|--------------------------------|
| 351       | Trạm y tế xã Đại Thành       | 40384     |                                |
| 352       | Trạm y tế xã Kim Thành       | 40358     | Xã Quang Đồng,<br>tỉnh Nghệ An |
| 353       | Trạm y tế xã Quang Thành     | 40362     |                                |
| 354       | Trạm y tế xã Đồng Thành      | 40366     |                                |
| 355       | Trạm y tế xã Hùng Thành      | 40557     | Xã Giai Lạc, tỉnh<br>Nghệ An   |
| 356       | Trạm y tế xã Lăng Thành      | 40355     |                                |
| 357       | Trạm y tế xã Hậu Thành       | 40359     |                                |
| 358       | Trạm y tế xã Phúc Thành      | 40364     |                                |
| 359       | Trạm y tế xã Mã Thành        | 40354     | Xã Bình Minh,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 360       | Trạm y tế xã Tiến Thành      | 40558     |                                |
| 361       | Trạm y tế xã Tân Thành       | 40356     |                                |
| 362       | Trạm y tế xã Đức Thành       | 40357     |                                |
| 363       | Trạm y tế xã Thọ Thành       | 40361     | Xã Đông Thành,<br>tỉnh Nghệ An |
| 364       | Trạm y tế xã Hồng Thành      | 40365     |                                |
| 365       | Trạm y tế xã Phú Thành       | 40367     |                                |
| 366       | Trạm y tế xã Đô Thành        | 40360     |                                |
| 367       | Trạm y tế xã Long Thành      | 40377     | Xã Hợp Minh,<br>tỉnh Nghệ An   |
| 368       | Trạm y tế xã Vĩnh Thành      | 40380     |                                |
| 369       | Trạm y tế xã Viên Thành      | 40383     |                                |
| 370       | Trạm y tế xã Bảo Thành       | 40386     |                                |
| 371       | Trạm y tế xã Sơn Thành       | 40389     |                                |
| 372       | Trạm y tế Thị trấn Diễn Châu | 40314     | Xã Diễn Châu,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 373       | Trạm y tế xã Diễn Bích       | 40333     |                                |
| 374       | Trạm y tế xã Diễn Ngọc       | 40335     |                                |
| 375       | Trạm y tế xã Diễn Hoa        | 40338     |                                |
| 376       | Trạm y tế xã Diễn Thành      | 40339     |                                |
| 377       | Trạm y tế xã Diễn Phúc       | 40340     |                                |
| 378       | Trạm y tế xã Diễn Hồng       | 40322     | Xã Đức Châu,<br>tỉnh Nghệ An   |
| 379       | Trạm y tế xã Diễn Phong      | 40323     |                                |
| 380       | Trạm y tế xã Diễn Kỳ         | 40329     |                                |
| 381       | Trạm y tế xã Diễn Vạn        | 40327     |                                |
| 382       | Trạm y tế xã Diễn Đồng       | 40332     | Xã Quảng Châu,<br>tỉnh Nghệ An |
| 383       | Trạm y tế xã Diễn Tháp       | 40325     |                                |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>        | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>                |
|-----------|------------------------------|-----------|-------------------------------|
| 384       | Trạm y tế xã Diên Xuân       | 40330     |                               |
| 385       | Trạm y tế xã Diên Liên       | 40326     |                               |
| 386       | Trạm y tế xã Diên Thái       | 40331     |                               |
| 387       | Trạm y tế xã Diên Hải        | 40324     |                               |
| 388       | Trạm y tế xã Diên Kim        | 40328     | Xã Hải Châu,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 389       | Trạm y tế xã Diên Hoàng      | 40319     |                               |
| 390       | Trạm y tế xã Diên Hùng       | 40320     |                               |
| 391       | Trạm y tế xã Diên Mỹ         | 40321     |                               |
| 392       | Trạm y tế xã Diên Thọ        | 40347     | Xã Tân Châu,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 393       | Trạm y tế xã Diên Lợi        | 40348     |                               |
| 394       | Trạm y tế xã Diên Lộc        | 40349     |                               |
| 395       | Trạm y tế xã Diên Phú        | 40352     |                               |
| 396       | Trạm y tế xã Diên Thịnh      | 40344     | Xã An Châu, tỉnh<br>Nghệ An   |
| 397       | Trạm y tế xã Diên Tân        | 40345     |                               |
| 398       | Trạm y tế xã Diên Trung      | 40350     |                               |
| 399       | Trạm y tế xã Diên An         | 40351     |                               |
| 400       | Trạm y tế xã Diên Hạnh       | 40334     | Xã Minh Châu,<br>tỉnh Nghệ An |
| 401       | Trạm y tế xã Diên Quảng      | 40336     |                               |
| 402       | Trạm y tế xã Diên Nguyên     | 40337     |                               |
| 403       | Trạm y tế xã Diên Cát        | 40343     |                               |
| 404       | Trạm y tế xã Minh Châu       | 40346     | Xã Hùng Châu,<br>tỉnh Nghệ An |
| 405       | Trạm y tế xã Diên Lâm        | 40315     |                               |
| 406       | Trạm y tế xã Diên Đoài       | 40316     |                               |
| 407       | Trạm y tế xã Diên Trường     | 40317     |                               |
| 408       | Trạm y tế xã Diên Yên        | 40318     | Xã Nghi Lộc,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 409       | Trạm y tế Thị trấn Quán Hành | 40458     |                               |
| 410       | Trạm y tế xã Nghi Hoa        | 40474     |                               |
| 411       | Trạm y tế xã Nghi Trung      | 40480     |                               |
| 412       | Trạm y tế xã Nghi Diên       | 40482     | Xã Phúc Lộc,                  |
| 413       | Trạm y tế xã Nghi Vạn        | 40485     |                               |
| 414       | Trạm y tế xã Nghi Lâm        | 40465     |                               |

| <b>TT</b> | <b>TÊN ĐƠN VỊ KCB</b>        | <b>MÃ</b> | <b>ĐỊA CHỈ</b>                |
|-----------|------------------------------|-----------|-------------------------------|
| 415       | Trạm y tế xã Nghi Mỹ         | 40468     | tỉnh Nghệ An                  |
| 416       | Trạm y tế xã Nghi Công Bắc   | 40477     |                               |
| 417       | Trạm y tế xã Nghi Công Nam   | 40478     |                               |
| 418       | Trạm y tế xã Khánh Hợp       | 40475     | Xã Đông Lộc,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 419       | Trạm y tế xã Nghi Thịnh      | 40476     |                               |
| 420       | Trạm y tế xã Nghi Thạch      | 40479     |                               |
| 421       | Trạm y tế xã Nghi Trường     | 40481     |                               |
| 422       | Trạm y tế xã Nghi Quang      | 40466     | Xã Trung Lộc,<br>tỉnh Nghệ An |
| 423       | Trạm y tế xã Nghi Thuận      | 40470     |                               |
| 424       | Trạm y tế xã Nghi Long       | 40471     |                               |
| 425       | Trạm y tế xã Nghi Xá         | 40472     |                               |
| 426       | Trạm y tế xã Nghi Hưng       | 40462     | Xã Thần Lĩnh,<br>tỉnh Nghệ An |
| 427       | Trạm y tế xã Nghi Đồng       | 40463     |                               |
| 428       | Trạm y tế xã Nghi Phương     | 40469     |                               |
| 429       | Trạm y tế xã Nghi Yên        | 40460     | Xã Hải Lộc, tỉnh<br>Nghệ An   |
| 430       | Trạm y tế xã Nghi Tiến       | 40461     |                               |
| 431       | Trạm y tế xã Nghi Thiết      | 40464     |                               |
| 432       | Trạm y tế xã Nghi Văn        | 40459     | Xã Văn Kiều,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 433       | Trạm y tế xã Nghi Kiều       | 40467     |                               |
| 434       | Trạm y tế Thị trấn Nghĩa Đàn | 40581     | Xã Nghĩa Đàn,<br>tỉnh Nghệ An |
| 435       | Trạm y tế xã Nghĩa Bình      | 40171     |                               |
| 436       | Trạm y tế xã Nghĩa Trung     | 40178     |                               |
| 437       | Trạm y tế xã Nghĩa Hội       | 40179     | Xã Nghĩa Thọ,<br>tỉnh Nghệ An |
| 438       | Trạm y tế xã Nghĩa Thọ       | 40172     |                               |
| 439       | Trạm y tế xã Nghĩa Phú       | 40174     |                               |
| 440       | Trạm y tế xã Nghĩa Lợi       | 40170     |                               |
| 441       | Trạm y tế xã Nghĩa Lạc       | 40167     | Xã Nghĩa Lâm,<br>tỉnh Nghệ An |
| 442       | Trạm y tế xã Nghĩa Lâm       | 40168     |                               |
| 443       | Trạm y tế xã Nghĩa Sơn       | 40169     |                               |
| 444       | Trạm y tế xã Nghĩa Yên       | 40166     |                               |
| 445       | Trạm y tế xã Nghĩa Mai       | 40165     | Xã Nghĩa Mai,<br>tỉnh Nghệ An |
| 446       | Trạm y tế xã Nghĩa Hồng      | 40176     |                               |

| TT  | TÊN ĐƠN VỊ KCB           | MÃ    | ĐỊA CHỈ                         |
|-----|--------------------------|-------|---------------------------------|
| 447 | Trạm y tế xã Nghĩa Minh  | 40173 |                                 |
| 448 | Trạm y tế xã Nghĩa Thành | 40180 |                                 |
| 449 | Trạm y tế xã Nghĩa Hiếu  | 40183 | Xã Nghĩa Hưng,<br>tỉnh Nghệ An  |
| 450 | Trạm y tế xã Nghĩa Thịnh | 40177 |                                 |
| 451 | Trạm y tế xã Nghĩa Hưng  | 40175 |                                 |
| 452 | Trạm y tế xã Nghĩa An    | 40192 | Xã Nghĩa Khánh,<br>tỉnh Nghệ An |
| 453 | Trạm y tế xã Nghĩa Đức   | 40191 |                                 |
| 454 | Trạm y tế xã Nghĩa Khánh | 40195 |                                 |
| 455 | Trạm y tế xã Nghĩa Long  | 40193 | Xã Nghĩa Lộc,<br>tỉnh Nghệ An   |
| 456 | Trạm y tế xã Nghĩa Lộc   | 40194 |                                 |

